

Số: 32 /QĐ-BQLKCN

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### VỀ VIỆC GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

#### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 80/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù và đơn vị cấp dự toán cấp I thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Quản lý các khu công nghiệp,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi NSNN năm 2023 cho Văn phòng Ban Quản lý các khu công nghiệp theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, Chánh Văn phòng Ban Quản lý các khu công nghiệp thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ban Quản lý các khu công nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu VT.PM

TRƯỞNG BAN



Sử Đình Vinh

**Ban Quản lý các khu công nghiệp**  
**Chương 505; Loại 340; khoản 341**

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023**

*Đơn vị: Ban quản lý các khu công nghiệp*

*Mã số: 1027118*

*(Kèm theo quyết định số /QĐ-BQLKCN của Ban quản lý các khu công nghiệp.)*

*Đơn vị: 1.000 đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>150.000</b>
<b>1. Số thu phí, lệ phí</b>	<b>150.000</b>
-Thu phí thẩm định	150.000
<b>2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</b>	<b>135.000</b>
- Chi được để lại	135.000
<b>3. Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>15.000</b>
<b>II. Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>2.509.330</b>
<b>1. Quản lý hành chính</b>	<b>2.509.330</b>
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	2.172.330
Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	28.800
2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	337.000
Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	30.000
<b>2. Các hoạt động kinh tế (Trung tâm hạ tầng)</b>	
3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ	
Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
3.2 Kinh phí thường xuyên	
Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
3.3 Kinh phí không thường xuyên	
Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
3. ...	

*Ninh Thuận, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

**TRƯỞNG BAN**



**Sử Đình Vinh**

ĐƠN VỊ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Mã QHNS: 1027118

Mã Chương đơn vị DT cấp 1: 505

Mẫu B3

## BIỂU TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-BQLKCN ngày của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận)

Căn cứ Quyết định giao dự toán số 691/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

Phân bổ dự toán theo chi tiết sau:

Số TT	Nội dung Đơn vị (đơn vị trực thuộc)	Mã ĐVQHNS	Mã ngành KT	Mã CTMT	Mã nguồn	KB Giao dịch - Mã KBNN	Số tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước</b>							
1	Số thu phí, lệ phí							
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại							
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN							
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>						<b>2.509.330.000</b>	
<b>1</b>	<b>Quản lý hành chính</b>						<b>2.509.330.000</b>	
1,1	Kinh phí thường xuyên	1027118	341		12	9523.2.1027118	2.172.330.000	
	Trong đó: kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương						28.800.000	
1,2	Kinh phí không thường xuyên	1027118	341		12	9527.2.1027118	337.000.000	
	Trong đó: kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương						30.000.000	

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

*Đơn vị: BQL các khu công nghiệp tỉnh*

*Mã số:1027118*

*Mã KBNN nơi giao dịch*

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BQLKCN ngày tháng 12 năm 2022)*

*Đơn vị: 1000 đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>150.000</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1.1	Lệ phí	
	Thu phí thẩm định	150.000
1.2	Phí	
	.....	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	135.000
	<i>Chi phí phục vụ trực tiếp việc thực hiện thu phí, bao gồm: văn phòng phẩm; vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí.</i>	11.000
	<i>Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp việc thực hiện thu phí</i>	10.000
	<i>Chi thu nhập tăng thêm</i>	60.000
	<i>Chi cải cách tiền lương</i>	54.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Phí thẩm định	15.000
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.509.330</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.172.330
1.1.1	Quỹ lương	1.728.330
-	<i>Biên chế được giao : 16 người</i>	
-	<i>Biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ DT: 13 người</i>	
-	<i>Số biên chế vắng mặt: 03</i>	
-	<i>Lương theo hệ số</i>	1.122.685
-	<i>Các khoản phụ cấp</i>	337.759
+	<i>Phụ cấp chức vụ</i>	60.792

+	<i>Phụ cấp trách nhiệm</i>	3.576
+	<i>Phụ cấp thâm niên</i>	7.123
+	<i>Phụ cấp công vụ</i>	266.270
-	<i>Các khoản đóng góp</i>	267.885
1.1.2	Tạp vụ + bảo vệ + lái xe theo ND 68 :3 người x 52.000.000đ/người	156.000
1.1.3	<b>Chi khác (16 người x 16.200.000đ/người)</b>	<b>288.000</b>
1.1.3.1	Chi khen thưởng	13.880
1.1.3.2	Phúc lợi tập thể	8.000
1.1.3.3	Các khoản thanh toán cho cá nhân	7.352
1.1.3.4	<i>Chi thu nhập tăng thêm ; chi trực lễ tết</i>	
1.1.3.5	Thanh toán DVCC	42.000
	<i>Tiền điện sinh hoạt: 3.200.000đ/tháng x 12 tháng</i>	38.400
	<i>Tiền nước sinh hoạt: 300.000đ/tháng x 12 tháng</i>	3.600
	<i>Chi khác</i>	1.800
1.1.3.6	Vật tư VP	48.000
	<i>Vật tư văn phòng: 4.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>	
1.1.3.7	Thông tin tuyên truyền liên lạc	40.200
	<i>Tiền ĐT + Cước internet : 2.300.000 x 12 tháng</i>	27.600
	<i>Gửi công văn: 700.000đ/tháng x 12 tháng</i>	8.400
	<i>Khoản điện thoại lãnh đạo 350.000 x 12 tháng</i>	4.200
1.1.3.8	Công tác phí	2.400
	200.000 đồng /tháng x 12 tháng	
1.1.3.9	Chi phí thuê mướn	19.368
	<i>chi phí thuê lao động, đào tạo, khác</i>	
1.1.3.10	Sửa chữa TS phục vụ chuyên môn	36.000
	<i>Sửa chữa nhỏ thiết bị : (Máy photocopy, máy in, máy vi tính, xe ô tô, máy lạnh...): 3.000.000đ/tháng x 12 tháng</i>	
1.1.3.11	Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành	12.000
	<i>1.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>	
1.1.3.12	Chi khác	30.000
	<i>Chi phí (Đăng kiểm, bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô)</i>	4.000
	<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>	8.000
	<i>Tiếp khách : 6 đoàn x (10người/đoàn x 300.000đ/người)</i>	18.000
1.1.3.13	Tiết kiệm chi và thu nhập tăng thêm	28.800
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>337.000</b>
<b>1.2.1</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>110.000</b>
1.2.1.1	<i>Tham gia sơ kết, tổng kết thi đua khen thưởng khối miền đông nam bộ</i>	27.000
1.2.1.2	<i>Tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng, ngoại ngữ, ngoại giao do bộ, ngành, UBND tỉnh tổ chức</i>	9.000
1.2.1.3	<i>Tham dự giao ban các câu lạc bộ khu công nghiệp khu chế xuất các tỉnh thành phía nam</i>	30.000
1.2.1.4	<i>Kinh phí thuê thực hiện dịch vụ giám sát, ứng cứu sự cố, bảo vệ an toàn an ninh hệ thống tin hệ thống mạng máy tính</i>	27.000

1.2.1.5	Tiền xăng xe , công tác phí..: đi kiểm tra, giám sát các KCN; đưa đón nhà đầu tư đi thực tế các khu công nghiệp;	17.000
1.2.2	<b>Chi phục vụ xúc tiến đầu tư</b>	<b>160.000</b>
1.2.2.1	Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư	15.000
1.2.2.2	Chi phí công tác trong và ngoài tỉnh phục vụ công tác công tác xúc tiến đầu tư	35.000
1.2.2.3	Tham gia: tổ chức Hội nghị/Hội thảo, diễn đàn, hội chợ phục vụ xúc tiến đầu tư	33.000
1.2.2.4	Sơ, tổng kết công tác hợp tác xúc tiến đầu tư với BQL các khu công nghiệp, khu chế xuất Hà Nội và TPHCM theo KH của UBND tỉnh	30.000
1.2.2.5	Làm việc với bộ, ngành trung ương giải quyết những cơ chế chính sách KCN Du long, Cá Ná, Phước Nam	25.000
1.2.2.6	Dịch thuật Website và Tài liệu xúc tiến đầu tư	15.000
1.2.2.7	Chi khác phục vụ XTĐT (VPP...)	7.000
1.2.3	<b>Kinh phí trang bị phương tiện, trang phục và chế độ chính sách cho đội phòng cháy, chữa cháy</b>	<b>20.000</b>
1.2.4	<b>Kinh phí Đăng :</b>	<b>17.000</b>
1.2.5	<b>Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>30.000</b>

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

**BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

Chương: 505

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BQLKCN ngày tháng 12 năm 2022)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			BQLKCN	TTHT
A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>150.000</b>	<b>150.000</b>	
<i>1</i>	<i>Số thu phí, lệ phí</i>			
1.1	Lệ phí			
	Thu phí thẩm định	150.000	150.000	
1.2	Phí			
	.....			
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>			
<i>2.1</i>	<i>Chi sự nghiệp.....</i>			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<i>2.2</i>	<i>Chi quản lý hành chính</i>			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	135.000	135.000	
	<i>Chi phí phục vụ trực tiếp việc thực hiện thu phí, bao gồm: văn phòng phẩm; vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí.</i>	<i>11.000</i>	<i>11.000</i>	
	<i>Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp việc thực hiện thu phí</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	
	<i>Chi thu nhập tăng thêm</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	
	<i>Chi cải cách tiền lương</i>	<i>54.000</i>	<i>54.000</i>	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>			
<i>3.1</i>	<i>Lệ phí</i>			
	Phí thẩm định	15.000	15.000	
<i>3.2</i>	<i>Phí</i>			
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.509.330</b>	<b>2.509.330</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.172.330</b>	<b>2.172.330</b>	
1.1.1	Quỹ lương	1.728.330	1.728.330	
-	<i>Biên chế được giao : 16 người</i>			
-	<i>Biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ DT: 13 người</i>			
-	<i>Số biên chế vắng mặt: 03</i>			
-	<i>Lương theo hệ số</i>	1.122.685	1.122.685	
-	<i>Các khoản phụ cấp</i>	337.759	337.759	
+	<i>Phụ cấp chức vụ</i>	60.792	60.792	

+	<i>Phụ cấp trách nhiệm</i>	3.576	3.576	
+	<i>Phụ cấp thâm niên</i>	7.123	7.123	
+	<i>Phụ cấp công vụ</i>	266.270	266.270	
-	<i>Các khoản đóng góp</i>	267.885	267.885	
1.1.2	Tập vụ + bảo vệ + lái xe theo NĐ 68 :3 người x 52.000.000đ/người	156.000	156.000	
1.1.3	<b>Chi khác (16 người x 16.200.000đ/người)</b>	<b>288.000</b>	<b>288.000</b>	
1.1.3.1	Chi khen thưởng	13.880	13.880	
1.1.3.2	Phúc lợi tập thể	8.000	8.000	
1.1.3.3	Các khoản thanh toán cho cá nhân	7.352	7.352	
1.1.3.4	<i>Chi thu nhập tăng thêm ; chi trực lễ tết</i>			
1.1.3.5	Thanh toán DVCC	42.000	42.000	
	<i>Tiền điện sinh hoạt: 3.200.000đ/tháng x 12 tháng</i>	38.400	38.400	
	<i>Tiền nước sinh hoạt: 300.000đ/tháng x 12 tháng</i>	3.600	3.600	
	<i>Chi khác</i>	1.800	1.800	
1.1.3.6	Vật tư VP	48.000	48.000	
	<i>Vật tư văn phòng: 4.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>			
1.1.3.7	Thông tin tuyên truyền liên lạc	40.200	40.200	
	<i>Tiền ĐT + Cước internet : 2.300.000 x 12 tháng</i>	27.600	27.600	
	<i>Gửi công văn: 700.000đ/tháng x 12 tháng</i>	8.400	8.400	
	<i>Khoản điện thoại lãnh đạo 350.000 x 12 tháng</i>	4.200	4.200	
1.1.3.8	Công tác phí	2.400	2.400	
	200.000 đồng /tháng x 12 tháng			
1.1.3.9	Chi phí thuê mướn	19.368	19.368	
	<i>chi phí thuê lao động, đào tạo, khác</i>			
1.1.3.10	Sửa chữa TS phục vụ chuyên môn	36.000	36.000	
	<i>Sửa chữa nhỏ thiết bị :(Máy photocopy, máy in, máy vi tính, xe ô tô, máy lạnh...): 3.000.000đ/tháng x 12 tháng</i>			
1.1.3.11	Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành	12.000	12.000	
	<i>1.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>			
1.1.3.12	Chi khác	30.000	30.000	
	<i>Chi phí (Đăng kiểm, bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô)</i>	4.000	4.000	
	<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>	8.000	8.000	
	<i>Tiếp khách : 6 đoàn x (10người/đoàn x 300.000đ/ng</i>	18.000	18.000	
1.1.3.13	Tiết kiệm chi và thu nhập tăng thêm	28.800	28.800	
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>337.000</b>	<b>337.000</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>110.000</b>	<b>110.000</b>	
1.2.1.1	<i>Tham gia sơ kết, tổng kết thi đua khen thưởng khối miền đông nam bộ</i>	27.000	27.000	
1.2.1.2	<i>Tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng, ngoại ngữ, ngoại giao do bộ, ngành, UBND tỉnh tổ chức</i>	9.000	9.000	
1.2.1.3	<i>Tham dự giao ban các câu lạc bộ khu công nghiệp khu chế xuất các tỉnh thành phía nam</i>	30.000	30.000	



1.2.1.4	Kinh phí thuê thực hiện dịch vụ giám sát, ứng cứu sự cố, bảo vệ an toàn an ninh hệ thống tin hệ thống mạng máy tính	27.000	27.000	
1.2.1.5	Tiền xăng xe , công tác phí...: đi kiểm tra, giám sát các KCN; đưa đón nhà đầu tư đi thực tế các khu công nghiệp;	17.000	17.000	
1.2.2	<b>Chi phục vụ xúc tiến đầu tư</b>	<b>160.000</b>	<b>160.000</b>	
1.2.2.1	Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư	15.000	15.000	
1.2.2.2	Chi phí công tác trong và ngoài tỉnh phục vụ công tác công tác xúc tiến đầu tư	35.000	35.000	
1.2.2.3	Tham gia: tổ chức Hội nghị/Hội thảo, diễn đàn, hội chợ phục vụ xúc tiến đầu tư	33.000	33.000	
1.2.2.4	Sơ, tổng kết công tác hợp tác xúc tiến đầu tư với BQL các khu công nghiệp, khu chế xuất Hà Nội và TPHCM theo KH của UBND tỉnh	30.000	30.000	
1.2.2.5	Làm việc với bộ, ngành trung ương giải quyết những cơ chế chính sách KCN Du long, Cá Ná, Phước Nam	25.000	25.000	
1.2.2.6	Dịch thuật Website và Tài liệu xúc tiến đầu tư	15.000	15.000	
1.2.2.7	Chi khác phục vụ XTĐT (VPP...)	7.000	7.000	
1.2.3	<b>Kinh phí trang bị phương tiện, trang phục và chế độ chính sách cho đội phòng cháy, chữa cháy</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	
1.2.4	<b>Kinh phí Đăng :</b>	<b>17.000</b>	<b>17.000</b>	
1.2.5	<b>Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>		<b>1027118</b>	
	<b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>			

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022	Năm 2023(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	<b>Tổng chi</b>	<b>2.544,601</b>	<b>2.659,33</b>		
<b>I</b>	<b>Khoản 341</b>	<b>2.544,601</b>	<b>2.659,33</b>		
1.1	Kinh phí giao tự chủ	2.190,57	2.172,33		
1.1.1	Quỹ lương (1)	1.902,568	1.728,33		
-	Lương theo hệ số		1.122,685		
-	Các khoản phụ cấp		337,76		
+	Phụ cấp chức vụ		60,79		
+	Phụ cấp trách nhiệm		3,58		
+	Phụ cấp thâm niên		7,12		
+	Phụ cấp công vụ		266,27		
-	Các khoản đóng góp		267,89		
1.1.2	Tạp vụ + bảo vệ + lái xe theo NĐ 68 :3 người x 52.000.000đ/người	156,00	156,00		
1.1.3	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:	288,000	288,000		
1.1.3.1.	Chi khen thưởng	10,78	13,88		
1.1.3.2.	Phúc lợi tập thể	3,39	8,00		
1.1.3.3.	Các khoản thanh toán cho cá nhân	6,700	7,352		
1.1.3.4.	Chi thu nhập tăng thêm ; chi trực lễ tết				
1.1.3.5.	Thanh toán DVCC	31,5	42,00		
	Tiền điện sinh hoạt: 3.200.000đ/tháng x 12 tháng		38,40		
	Tiền nước sinh hoạt: 300.000đ/tháng x 12 tháng		3,60		
	Chi khác		1,80		
1.1.3.6	Vật tư VP	23,941	48,00		

	<i>Vật tư văn phòng: 4.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>			
1.1.3.7	Thông tin tuyên truyền liên lạc	32,477	40,20	
	<i>Tiền ĐT + Cước internet : 2.300.000 x 12 tháng</i>		27,60	
	<i>Gửi công văn: 700.000đ/tháng x 12 tháng</i>		8,40	
	<i>Khoản điện thoại lãnh đạo 350.000 x 12 tháng</i>		4,20	
1.1.3.8	Công tác phí	2,4	2,40	
	200.000 đồng /tháng x 12 tháng			
1.1.3.9	Chi phí thuê mướn	6,980	19,368	
	<i>chi phí thuê mướn khác</i>			
1.1.3.10	Sửa chữa TS phục vụ chuyên môn	27,907	36,00	
	<i>Sửa chữa nhỏ thiết bị : (Máy photocopy, máy in, máy vi tính, xe ô tô, máy lạnh...): 3.000.000đ/tháng x 12 tháng</i>			
1.1.3.11	Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành	10,616	12,00	
	<i>1.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>			
1.1.3.14	Chi khác	25,32	30,00	
	<i>Chi phí (Đăng kiểm, bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô)</i>		4,00	
	<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>		8,00	
	<i>Tiếp khách : 6 đoàn x (10 người/đoàn x 300.000đ/người)</i>		18,00	
1.1.3.15	Tiết kiệm chi và thu nhập tăng thêm	105,989	28,80	
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>263,519</b>	<b>337,00</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>52,408</b>	<b>110,00</b>	
1.2.1.1	<i>Tham gia sơ kết, tổng kết thi đua khen thưởng khối miền đông nam bộ</i>		27,00	
1.2.1.2	<i>Tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng, ngoại ngữ, ngoại giao do bộ, ngành, UBND tỉnh tổ chức</i>		9,00	
1.2.1.3	<i>Tham dự giao ban các câu lạc bộ khu công nghiệp khu chế xuất các tỉnh thành phía nam</i>		30,00	
1.2.1.4	<i>Kinh phí thuê thực hiện dịch vụ giám sát, ứng cứu sự cố, bảo vệ an toàn an ninh hệ thống tin hệ thống mạng máy tính</i>		27,00	

1.2.1.5	Tiền xăng xe , công tác phí.: đi kiểm tra, giám sát các KCN; đưa đón nhà đầu tư đi thực tế các khu công nghiệp;		17,00		
<b>1.2.2</b>	<b>Chi phục vụ xúc tiến đầu tư</b>	123,537	<b>160,00</b>		
1.2.2.1	Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư		15,00		
1.2.2.2	Chi phí công tác trong và ngoài tỉnh phục vụ công tác xúc tiến đầu tư		35,00		
1.2.2.3	Tham gia: tổ chức Hội nghị/Hội thảo, diễn đàn, hội chợ phục vụ xúc tiến đầu tư		33,00		
1.2.2.4	Sơ, tổng kết công tác hợp tác xúc tiến đầu tư với BQL các khu công nghiệp, khu chế xuất Hà Nội theo KH của UBND tỉnh		30,00		
1.2.2.5	Làm việc với bộ, ngành trung ương giải quyết những cơ chế chính sách KCN Du long, Cá Ná, Phước Nam		25,00		
1.2.2.6	Dịch thuật Website và Tài liệu xúc tiến đầu tư		15,00		
1.2.2.7	Chi khác phục vụ XTĐT (VPP...)		7,00		
<b>1.2.3</b>	<b>Kinh phí trang bị phương tiện, trang phục và chế độ chính sách cho đội phòng cháy, chữa cháy</b>	19,58	<b>20,00</b>		
<b>1.2.4</b>	<b>Kinh phí Đăng :</b>	17,00	<b>17,00</b>		
<b>1.2.5</b>	<b>Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương</b>	30,00	<b>30,00</b>		
<b>1.2.6</b>	<b>Kinh phí ISO</b>	20,994			
<b>1.3</b>	<b>Kinh phí, phí được để lại</b>	<b>90,514</b>	<b>150,00</b>		
1.3.1	Chi	71,456	135,00		
1.3.1	Nộp thuế	19,058	15,00		

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2023

Đơn vị: triệu đồng

Tên loại, khoản	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Năm phân bổ			Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN nơi đơn vị giao dịch
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc		
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng chi</b>	<b>2.544,601</b>	<b>2.659,33</b>			<b>1027118</b>	<b>1027118</b>
<b>I</b>	<b>Khoản 341</b>	<b>2.544,601</b>	<b>2.659,33</b>				
1.1	<i>Kinh phí giao tự chủ</i>	2.190,57	2.172,33				
1.1.1	Quỹ lương (1)	1.902,568	1.728,33				
-	<i>Lương theo hệ số</i>		1.122,685				
-	<i>Các khoản phụ cấp</i>		337,76				
+	<i>Phụ cấp chức vụ</i>		60,79				
+	<i>Phụ cấp trách nhiệm</i>		3,58				
+	<i>Phụ cấp thâm niên</i>		7,12				
+	<i>Phụ cấp công vụ</i>		266,27				
-	<i>Các khoản đóng góp</i>		267,89				
1.1.2	Tạp vụ + bảo vệ + lái xe theo ND 68 :3 người x 52.000.000đ/người	156,00	156,00				
1.1.3	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:	288,000	288,000				
1.1.3.1.	Chi khen thưởng	10,78	13,88				
1.1.3.2.	Phúc lợi tập thể	3,39	8,00				
1.1.3.3.	Các khoản thanh toán cho cá nhân	6,700	7,352				
1.1.3.4.	<i>Chi thu nhập tăng thêm ; chi trực lễ tết</i>						

1.1.3.5.	Thanh toán DVCC	31,5	42,00				
	<i>Tiền điện sinh hoạt: 3.200.000đ/tháng x 12 tháng</i>		38,40				
	<i>Tiền nước sinh hoạt: 300.000đ/tháng x 12 tháng</i>		3,60				
	<i>Chi khác</i>		1,80				
1.1.3.6	Vật tư VP	23,941	48,00				
	<i>Vật tư văn phòng: 4.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>						
1.1.3.7	Thông tin tuyên truyền liên lạc	32,477	40,20				
	<i>Tiền ĐT + Cước internet : 2.300.000 x 12 tháng</i>		27,60				
	<i>Gửi công văn: 700.000đ/tháng x 12 tháng</i>		8,40				
	<i>Khoản điện thoại lãnh đạo 350.000 x 12 tháng</i>		4,20				
1.1.3.8	Công tác phí	2,4	2,40				
	200.000 đồng /tháng x 12 tháng						
1.1.3.9	Chi phí thuê mướn	6,980	19,368				
	<i>chi phí thuê mướn khác</i>						
1.1.3.10	Sửa chữa TS phục vụ chuyên môn	27,907	36,00				
	<i>Sửa chữa nhỏ thiết bị :(Máy photocopy, máy in, máy vi tính, xe ô tô, máy lạnh...): 3.000.000đ/tháng x 12 tháng</i>						
1.1.3.11	Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành	10,616	12,00				
	<i>1.000.000đ/ tháng x 12 tháng</i>						
1.1.3.14	Chi khác	25,32	30,00				
	<i>Chi phí (Đăng kiểm, bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô)</i>		4,00				
	<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>		8,00				
	<i>Tiếp khách : 6 đoàn x (10người/đoàn x 300.000đ/người)</i>		18,00				
1.1.3.15	Tiết kiệm chi và thu nhập tăng thêm	105,989	28,80				
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>263,519</b>	<b>337,00</b>				
<b>1.2.1</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>52,408</b>	<b>110,00</b>				
1.2.1.1	<i>Tham gia sơ kết, tổng kết thi đua khen thưởng khối miền đông nam bộ</i>		27,00				

1.2.1.2	Tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng, ngoại ngữ, ngoại giao do bộ, ngành, UBND tỉnh tổ chức		9,00			
1.2.1.3	Tham dự giao ban các câu lạc bộ khu công nghiệp khu chế xuất các tỉnh thành phía nam		30,00			
1.2.1.4	Kinh phí thuê thực hiện dịch vụ giám sát, ứng cứu sự cố, bảo vệ an toàn an ninh hệ thống tin hệ thống mạng máy tính		27,00			
1.2.1.5	Tiền xăng xe , công tác phí...: đi kiểm tra, giám sát các KCN; đưa đón nhà đầu tư đi thực tế các khu công nghiệp;		17,00			
<b>1.2.2</b>	<b>Chi phục vụ xúc tiến đầu tư</b>	123,537	<b>160,00</b>			
1.2.2.1	Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư		15,00			
1.2.2.2	Chi phí công tác trong và ngoài tỉnh phục vụ công tác công tác xúc tiến đầu tư		35,00			
1.2.2.3	Tham gia: tổ chức Hội nghị/Hội thảo, diễn đàn, hội chợ phục vụ xúc tiến đầu tư		33,00			
1.2.2.4	Sơ, tổng kết công tác hợp tác xúc tiến đầu tư với BQL các khu công nghiệp, khu chế xuất Hà Nội theo KH của UBND tỉnh		30,00			
1.2.2.5	Làm việc với bộ, ngành trung ương giải quyết những cơ chế chính sách KCN Du long, Cá Ná, Phước Nam		25,00			
1.2.2.6	Dịch thuật Website và Tài liệu xúc tiến đầu tư		15,00			
1.2.2.7	Chi khác phục vụ XTĐT (VPP...)		7,00			

1.2.3	Kinh phí trang bị phương tiện, trang phục và chế độ chính sách cho đội phòng cháy, chữa cháy	19,58	20,00				
1.2.4	Kinh phí Đăng :	17,00	17,00				
1.2.5	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	30,00	30,00				
1.2.6	Kinh phí ISO	20,994					
1.3	Kinh phí, phí được để lại	90,514	150,00				
1.3.1	Chi	71,456	135,00				
1.3.1	Nộp thuế	19,058	15,00				





## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: PHỤ LỤC CÔNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NĂM 2023 CỦA TỈNH NINH THUẬN

được kèm theo Công văn số 2560 /UBND-KTTH ngày 14 /6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

ST T	Tên hoạt động xúc tiến đầu tư	Loại hoạt động xúc tiến đầu tư	Thời gian tổ chức	Đơn vị chủ trì thực hiện	Địa điểm tổ chức		Mục đích/ Nội dung của hoạt động	Địa bàn/ tỉnh vùng kêu gọi đầu tư	Đơn vị phối hợp		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	
					Trong nước	Nước ngoài			Tên đơn vị	Quốc tịch/Ti nh, thành phố	Ngân sách NN cấp	Khác (Xã hội hóa)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Tập trung nghiên cứu tiềm năng mở rộng hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp, nhà đầu tư có năng lực, tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của Ninh Thuận; tìm kiếm, khảo sát, tổng hợp thông tin về các doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, có tiềm năng hợp tác với các đối tác chiến lược trong thời gian tới.	<b>Nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư</b>	Thường xuyên	Sở Kế hoạch và Đầu tư (EDO); BQL các KCN			Mở rộng quan hệ hợp tác của Tỉnh với các đối tác					
2	Tham dự tọa đàm hợp tác và kết nối doanh nghiệp do Bộ Ngoại giao phối hợp với Đại sứ quán, Lãnh sự quán các nước tại VN tổ chức (trực tiếp hoặc trực tuyến); đón tiếp và làm việc với các Đại Sứ quán, Lãnh Sự quán các nước thông qua đó nhờ hỗ trợ kết nối xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch.	<b>Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư</b>	Theo Kế hoạch của Cục Ngoại vụ-Bộ Ngoại giao	Sở KH và ĐT (EDO)	x	x	Quảng bá hình ảnh địa phương, kêu gọi, thu hút đầu tư một số lĩnh vực thuộc 06 nhóm ngành trụ cột: năng lượng tái tạo, du lịch, nông nghiệp và chế biến, công nghiệp, giáo		Các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; các Hiệp hội, các tổ chức XTĐT nước ngoài; Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Cục Ngoại vụ (Bộ Ngoại giao) các Bộ ngành liên quan hoặc các tỉnh thành		100	100

							đục và bắt động sản.		trong vùng			
3	Phối hợp với các cơ quan báo chí và truyền thông đăng tải thông tin quảng bá về tiềm năng và cơ hội đầu tư vào tỉnh bằng các hình thức xây dựng các chuyên đề, bài báo, tạp chí; các chương trình phát thanh, truyền hình, quảng cáo; tham gia hội thảo, tọa đàm về XTĐT do các cơ quan Báo chí tổ chức	<b>Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư</b>	Theo kế hoạch của các cơ quan báo chí	Sở KH và ĐT (EDO)			Quảng bá hình ảnh, tiềm năng và cơ hội đầu tư vào tỉnh; thu hút tối đa các nguồn lực phát triển		Các Báo, Tạp chí và Đài truyền hình trong và ngoài tỉnh		200	100
4	Đăng tải thông tin kế hoạch tổ chức các chương trình vận động đầu tư trong nước và nước ngoài trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn phòng Phát triển Kinh tế), Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các Sở, ngành liên quan (nếu có)	<b>Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư</b>	Cả năm	Sở KH và ĐT (EDO)			Quảng bá các hoạt động xúc tiến đầu tư để cộng đồng doanh nghiệp đăng ký tham gia.		Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các sở, ngành liên quan			
5	Chủ động cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; cơ chế, chính sách; tiềm năng, thị trường; trích lục sơ đồ vị trí giới thiệu địa điểm đầu tư; xu hướng và các đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư	<b>Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư</b>	Thường xuyên	Sở KH và ĐT (EDO)			Hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư		Các sở, ban ngành, BQL các KCN, và địa phương trong tỉnh		50	
6	Hướng dẫn khảo sát địa điểm đầu tư, hỗ trợ các thủ tục đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư	<b>Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư</b>	Thường xuyên	Sở KH và ĐT (EDO)			Hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư		Các bộ, ngành Trung ương; sở, ban ngành, BQL các KCN và địa phương trong tỉnh có liên quan		100	
7	Tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp; Hội nghị kết nối Doanh nghiệp theo định kỳ; tiếp nhận, tổng hợp và trình cơ quan có thẩm	<b>Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh</b>	Hàng tháng, hàng quý và năm	Sở KH và ĐT (EDO)			Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.		Các bộ, ngành Trung ương; Sở, ban ngành và địa phương trong tỉnh		200	100

	quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư	<b>doanh, đầu tư</b>					nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án.		có liên quan		
8	Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thành lập Tổ công tác để hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình: xúc tiến đầu tư, cấp chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hỗ trợ triển khai dự án đầu tư trong trường hợp cần thiết, đặc biệt là đối với dự án có quy mô lớn, có nội dung phức tạp	<b>Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư</b>	Trong trường hợp cần thiết	Sở KH và ĐT (EDO)			Hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình đăng ký và thực hiện dự án.		Các bộ, ngành Trung ương; sở, ban ngành, BQL các KCN và địa phương trong tỉnh có liên quan	100	100
9	Phối hợp với phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để triển khai thực hiện nội dung Bản ghi nhớ ký với VCCI về hợp tác triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2022-2025.	<b>Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh</b>	Cả năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư (EDO)	x		Xúc tiến kêu gọi đầu tư; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh		Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI); Các sở, ngành, địa phương trong tỉnh	100	100
10	Tiếp tục cập nhật nội dung về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, môi trường, tiềm năng, cơ hội đầu tư, đối tác đầu tư, dịch vụ hành chính công..., đặc biệt là hướng dẫn giải đáp trực tuyến cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước muốn tìm hiểu về đầu tư vào tỉnh...	<b>Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư</b>	Thường xuyên	Sở Kế hoạch và Đầu tư (EDO); BQL các KCN			Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi tiếp cận và tiến hành làm thủ tục đăng ký đầu tư và kinh doanh tại tỉnh.				
11	Duy trì và nâng cấp thông tin trên Website xúc tiến đầu tư	<b>Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư</b>	Thường xuyên	Sở Kế hoạch và Đầu tư (EDO); BQL các KCN			Tăng cường hiệu quả hoạt động của cổng thông tin điện tử EDO, BQL các KCN tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Tỉnh		Đơn vị cung cấp dịch vụ	50	

12	Rà soát, tổng hợp tình hình thực hiện các dự án được cấp chủ trương đầu tư; xem xét bổ sung các dự án mới vào danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh; đề xuất danh mục và xây dựng thông tin dự án kêu gọi đầu tư cấp quốc gia gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo từng thời kỳ.	<b>Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư</b>	Quý I và II/2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư (EDO)			Tăng cường quảng bá kêu gọi nhà đầu tư vào các dự án trọng điểm quốc gia		Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ban ngành địa phương liên quan của tỉnh.		50	
13	Tiếp tục thu thập, hệ thống hóa và cập nhật các số liệu, môi trường đầu tư, pháp luật, chính sách còn hiệu lực để hoàn thiện nội dung và in ấn tài liệu bằng 02 ngôn ngữ Việt, Anh phục vụ cho công tác XTĐT; Tiếp tục cập nhật, bổ sung, hoàn thiện thông tin mới nhằm thực hiện in ấn các Tập sách “Ninh Thuận - Tiềm năng và cơ hội đầu tư”; tập sách giới thiệu thông tin các dự án kêu gọi đầu tư các thành phần kinh tế giai đoạn 2021-2025; làm mới Video clip giới thiệu về Ninh Thuận; cập nhật thông tin để xây dựng lại brochure giới thiệu và kêu gọi đầu tư vào các KCN tỉnh; các dự án trọng tâm, trọng điểm mang tính vùng, khu vực đang kêu gọi đầu tư vào tỉnh.	<b>Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư</b>	Quý I và II/2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư (EDO), BQL các KCN			Nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận nhà đầu tư, tài trợ, tranh thủ mọi nguồn vốn đầu tư phát triển	Trong và ngoài nước	Các sở, ban ngành chuyên môn có liên quan của tỉnh; BQL các KCN, các chủ đầu tư Khu Công nghiệp tỉnh; Đơn vị cung cấp dịch vụ;		500	300
14	Cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng về bối cảnh kinh tế quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quốc gia...; đào tạo ngoại ngữ, tin học, kỹ năng thuyết trình, tư vấn dự án, quản trị Website... cho cán bộ làm công tác XTĐT tại tỉnh.	<b>Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư</b>	Theo Kế hoạch và giấy mời của cơ quan tổ chức	Sở KH và ĐT (EDO)	x		Nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư		Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Trung tâm XTĐT trong khu vực; các sở, ngành địa phương trong tỉnh và BQL các KCN		100	50

16	Tổ chức/Phối hợp tổ chức Hội nghị, Hội thảo XTĐT	<b>Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư</b>	Quý IV/2023	UBND tỉnh hoặc các bộ, ngành TW chủ trì; Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn phòng Phát triển Kinh tế), Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp với Tổng cục Du lịch, Hiệp hội du lịch Việt Nam, Báo Đầu tư, các Báo và Tạp chí trong nước có chương trình hợp tác với tỉnh thực hiện	x	Quảng bá hình ảnh địa phương, kêu gọi, thu hút đầu tư một số dự án thuộc các nhóm ngành kinh tế trụ cột của tỉnh	Các Sở, ngành, BQL các KCN, chủ đầu tư các KCN và địa phương trong tỉnh	250	750
17	Tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư trong nước; Phối hợp với các tỉnh, thành phố có tiềm năng tạo liên kết vùng, liên kết ngành, lĩnh vực tham gia Hội nghị Xúc tiến đầu tư; tổ chức/tham gia hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu quảng bá, kêu gọi xúc tiến các dự án đầu tư.	<b>Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư</b>	Cả năm	Sở KH và ĐT (EDO)	x	Quảng bá hình ảnh địa phương, kêu gọi, thu hút đầu tư một số dự án thuộc các nhóm ngành kinh tế trụ cột của tỉnh	Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; sở, ngành, BQL các KCN, chủ đầu tư các KCN, địa phương trong tỉnh; BQL Vùng Duyên hải miền Trung; Các tỉnh, TP có chương trình hợp tác với tỉnh.	120	100

18	Tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài: Gắn kết với Lãnh sự quán các nước tại Việt Nam, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Ngoại vụ, các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế và trong nước tham gia các cuộc xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh tại nước ngoài như Úc, Israel, Hàn Quốc, Nhật, Châu Âu, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Canada, Nga, Singapore...	<b>Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư</b>	Cả năm	UBND tỉnh chủ trì, Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn phòng Phát triển Kinh tế) thực hiện	x	Thu hút các nhà đầu tư có năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm để đầu tư vào các dự án tỉnh đang kêu gọi	Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Cục Ngoại vụ (Bộ Ngoại giao) Các Sở, ngành, BQL các KCN, chủ đầu tư các KCN và địa phương trong tỉnh	Các Đại Sứ quán Việt Nam tại nước ngoài	100	500
<b>Tổng kinh phí dự kiến: 4,22 tỷ đồng</b>									<b>2.020</b>	<b>2,200</b>